

ĐỘ TIN CẬY VÀ TÍNH GIÁ TRỊ CỦA THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ TÌNH TRẠNG NGHIỆN FACEBOOK CỦA ĐẠI HỌC BERGEN PHIÊN BẢN TIẾNG VIỆT (VIET-BFAS)

Lê Thiên Chương*, Đỗ Đức Minh**, Mai Phương Thảo***

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Facebook đã trở thành mạng xã hội hàng đầu trên thế giới kể từ khi thành lập đến nay với hàng tỷ người dùng đến từ khắp nơi trên thế giới. Với nhiều thuận lợi đem đến cho người sử dụng như tăng sự kết nối, liên lạc hay lưu giữ kỉ niệm, tuy nhiên ngày càng nhiều nghiên cứu cho thấy Facebook cũng gây những ảnh hưởng xấu nhất định đối với người dùng. Tại Việt Nam vẫn chưa có một công cụ đo lường tình trạng nghiện Facebook bằng tiếng Việt cụ thể. Nghiên cứu này đánh giá độ tin cậy và tính giá trị của thang điểm đánh giá tình trạng nghiện Facebook của Đại học Bergen phiên bản tiếng Việt (Viet – BFAS).

Đối tượng - Phương pháp: Thang điểm đánh giá tình trạng nghiện Facebook của đại học Bergen (BFAS) được chấp thuận cho dịch thuật sang tiếng Việt và sử dụng trong nghiên cứu. Tính giá trị nội dung và khả dụng của bộ Viet – BFAS được đồng thuận bởi nhóm dịch thuật và tác giả của bộ BFAS gốc. Bộ Viet – BFAS được đánh giá độ tin cậy và tính giá trị trên 380 đối tượng là sinh viên khoa Y, Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó, có 29 đối tượng thực hiện lại bộ Viet – BFAS lần 2 nhằm đánh giá độ tin cậy đo – đo lại. Các kết quả được dùng để đánh giá độ tin cậy bằng tính nhất quán nội tại, độ tin cậy đo – đo lại và tính đồng nhất, và tính giá trị bằng tính giá trị cấu trúc thông qua phương pháp phân tích yếu tố khẳng định.

Kết quả: Bộ Viet – BFAS gồm 6 yếu tố, được tính điểm từ 1 đến 5. Điểm cắt của bộ Viet – BFAS là đối tượng có tình trạng nghiện Facebook khi có tối thiểu 4 trên 6 câu trả lời có điểm số từ 3 điểm trở lên. Hệ số Cronbach's alpha là 0,86, độ tin cậy đo – đo lại là 0,56 và các trọng số yếu tố đều lớn hơn 0,50. Phân tích yếu tố khẳng định cho thấy bộ Viet – BFAS có tính giá trị hội tụ và tính giá trị phân biệt.

Kết luận: Bộ Viet – BFAS phù hợp cho việc đánh giá tình trạng nghiện Facebook với độ tin cậy và tính giá trị ở mức tốt. Cần nhiều nghiên cứu hơn để xác định độ nhạy và độ chuyên biệt của bộ Viet – BFAS trong xác định tình trạng nghiện Facebook.

Từ khóa: độ tin cậy, tính giá trị, thang điểm đánh giá tình trạng nghiện Facebook, BFAS, Viet – BFAS

ABSTRACT

PSYCHOMETRIC PROPERTIES OF VIETNAMESE BERGEN FACEBOOK ADDICTION SCALE (VIET – BFAS)

Le Thien Chuong, Do Duc Minh, Mai Phuong Thao

* Ho Chi Minh City Journal of Medicine * Vol. 24 - No. 1 - 2020: 138 - 144

Background: Facebook has risen to become the largest social network in the world since its establishment, with billions of users world-wide. Despite the advantages that Facebook has brought to its users, such as the connection, communication or storage of memories, many studies have proved some certain disadvantages to the users. In Vietnam, there was no probable instrument to measure the Facebook addiction in Vietnamese. This work aims to evaluate the psychometric properties, including the reliability and validity of the Vietnamese Bergen

*Khoa Y, Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh

**Trung tâm Y sinh học phân tử, Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh

***Bộ môn Sinh lý-Sinh lý bệnh Miễn dịch, Khoa Y, Đại học Y Dược, TP. Hồ Chí Minh

Tác giả liên lạc: TS.BS. Mai Phương Thảo ĐT: 0918329999 Email: drmaithao@ump.edu.vn

Facebook Addiction Scale (Viet – BFAS).

Methods: The Bergen Facebook Addiction Scale (BFAS) was approved to be translated into Vietnamese and used in this research. The content validity and availability of Viet – BFAS was confirmed by the author of the original BFAS and the translators. The Viet – BFAS was evaluated for psychometric properties on 380 medical students from Faculty of Medicine of University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh city. In which, there are 29 subjects who take the Viet – BFAS for the second time to evaluate the test – retest reliability. The results of the tests was used to evaluate the reliability – through the internal consistency, the test – retest reliability and the unidimensionality – and the validity – through the construct validity by Confirmatory Factor Analysis – of the Viet – BFAS.

Results: The Viet – BFAS includes 6 factors, each factor is scaled from 1 to 5. The cutoff scores for a categorization of problems with Facebook addiction in this research followed the polythetic scoring scheme. For reability, The Cronbach's alpha was 0.86, the test – retest reliabiltiy is 0.56 and all factor loadings were greater than 0.50. For validity, the Confirmatory Factor Analysis showed that the Viet – BFAS has both convergent validity and divergent validity.

Conclusion: The Vietnamese Bergen Facebook Addiction Scale has good reliabilty and validity for measuring the Facebook Addiction. There should be more research to determine the sensitivity and specificity of the Viet – BFAS in diagnosing Facebook Addiction.

Keywords: reliability, validity, Facebook addiction scale, BFAS, Viet – BFAS

ĐẶT VẤN ĐỀ

Được sáng lập vào năm 2004 bởi Mark Zuckerberg, mạng xã hội Facebook đã không ngừng phát triển, và vươn lên trở thành mạng xã hội hàng đầu trên toàn thế giới. Ước tính đến tháng 9 năm 2017, mỗi ngày có khoảng 1.280 triệu tài khoản hoạt động. Tại Việt Nam hiện có khoảng 31,66 triệu người sử dụng Facebook mỗi ngày, và được dự đoán là sẽ tăng lên khoảng 37,64 triệu người sử dụng vào năm 2020. Con số này tương đương với 33,28% dân số Việt Nam. Việt Nam là nước đứng thứ 7 trên toàn thế giới và đứng thứ 3 trong khu vực Đông Nam Á về số lượng người sử dụng Facebook.

Sự phát triển vượt bậc của Internet và mạng xã hội bên cạnh lợi ích kết nối mọi người với nhau, đồng thời, cũng đem đến những vấn đề tiêu cực trong xã hội. Từ năm 1996, các nhà khoa học đã bắt đầu quan tâm và đề xuất quan điểm về việc nghiện Internet. Khi các mạng xã hội ngày càng lớn mạnh, các nhà khoa học chuyển hướng quan tâm sang những bất cập mà mạng xã hội đem đến cho người sử dụng. Đại học Bergen đã đề xuất bảng đánh giá nghiện Facebook (Bergen Facebook Addiction Scale -

BFAS) để chẩn đoán vấn đề này. Bộ công cụ BFAS đánh giá tình trạng nghiện Facebook dựa trên 6 yếu tố của tình trạng nghiện, gồm sự quan tâm đến Facebook, sự dung nạp của tình trạng nghiện, sự thay đổi trên tính cách, sự tái lập thói quen sử dụng Facebook, sự xuất hiện của hội chứng cai và sự ảnh hưởng tiêu cực của Facebook lên cuộc sống người dùng⁽¹⁾. Griffiths và các cộng sự cho rằng bộ BFAS là công cụ chính xác nhất cho đến hiện tại trong việc đánh giá tình trạng nghiện Facebook⁽²⁾. Ngoài ra, trong nghiên cứu xây dựng bộ BFAS, tác giả Andreassen cũng cho thấy bộ BFAS có tính ngắn gọn, dễ sử dụng, có đề nghị điểm cắt kèm theo và được đánh giá có độ tin cậy và tính giá trị phù hợp để sử dụng rộng rãi⁽¹⁾.

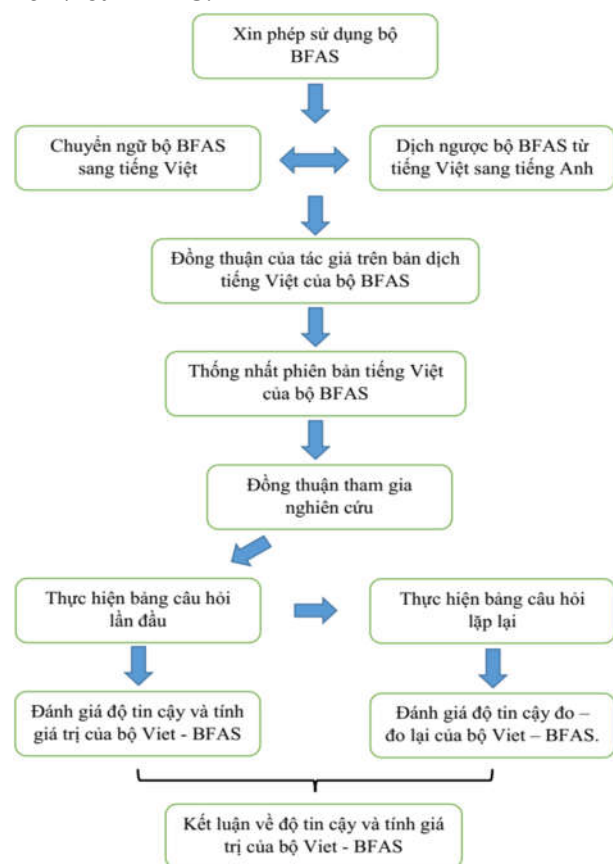
Tính tới năm 2018, vẫn chưa có tiêu chuẩn vàng trong chẩn đoán tình trạng nghiện mạng xã hội hay nghiện Facebook cụ thể. Tuy nhiên, điều này không đồng nghĩa với việc không tồn tại tình trạng nghiện Facebook trong xã hội. Thông qua bộ công cụ BFAS này, nhiều nghiên cứu cho thấy tỉ lệ nghiện Facebook ở dân số vào khoảng 10 – 50%^(3,4). Nghiên cứu này được thực hiện với mong muốn đánh giá độ tin cậy và tính giá trị

của bộ BFAS phiên bản tiếng Việt (Viet – BFAS) nhằm tạo thuận lợi cho các nghiên cứu tiếp theo về tình trạng nghiện Facebook ở người Việt Nam.

ĐỐI TƯỢNG-PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu

Trên 380 sinh viên Khoa Y, Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh trong khoảng thời gian từ tháng 01 đến tháng 8/2018. Các đối tượng được phỏng vấn về thông tin dịch tễ và trả lời Bộ câu hỏi Viet – BFAS.



Hình 1. Quy trình thực hiện nghiên cứu

Bộ câu hỏi Viet – BFAS được chuyển ngữ sang tiếng Việt của bộ câu hỏi BFAS, được hình thành vào năm 2012 bởi tác giả Andreassen của đại học Bergen (Na uy), gồm có 6 yếu tố đánh giá: Sự quan tâm đến Facebook, Sự dung nạp của tình trạng nghiện, Sự thay đổi trên tính cách, Sự tái lập thói quen sử dụng Facebook. Sự xuất hiện của hội chứng cai và Sự ảnh hưởng tiêu cực của Facebook lên cuộc sống người dùng. Bộ câu hỏi đánh giá mức độ thường xuyên của mỗi yếu tố trong vòng 1 năm qua, bằng thang Likert với

điểm số từ 1 đến 5, trong đó 1 là rất hiếm khi và 5 là rất thường xuyên. Việc chuyển ngữ thực hiện theo qui trình mô tả trong Hình 1.

Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu cắt ngang.

Phân tích số liệu

Nghiên cứu sử dụng phần mềm SPSS (SPSS 23.0) trên hệ điều hành Windows để phân tích các dữ liệu thống kê. Phần mềm IBM Amos (Amos v20) trên hệ điều hành Windows được sử dụng để xây dựng mô hình phương trình cấu trúc.

KẾT QUẢ

Đặc điểm của dân số nghiên cứu

Trong số 380 đối tượng được phân tích, có 144 sinh viên nữ (37,89%). Độ tuổi trung bình của mẫu là 21,43 (CI 95%: 21,24, 21,62). Sau đó, 29 đối tượng được thực hiện lại bộ Viet – BFAS nhằm đánh giá độ tin cậy đo – đo lại.

Độ tuổi trung bình của mẫu lặp lại bộ câu hỏi là 22,43 (CI 95%: 21,91, 22,78) với thời gian trung bình giữa hai lần thực hiện là 11,28 tuần (CI 95%: 10,68, 11,87). Bảng 1 miêu tả chi tiết các đặc điểm nhân chủng học của các đối tượng tham gia nghiên cứu.

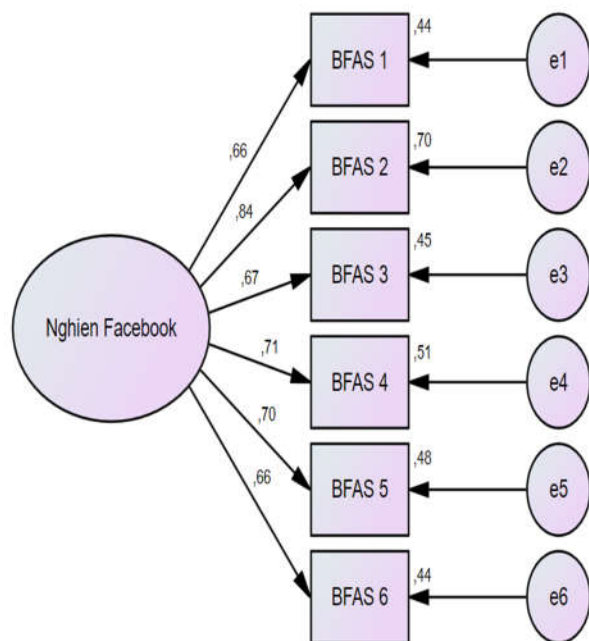
Bảng 1. Đặc điểm thống kê miêu tả của mẫu nghiên cứu

Giới tính	Nam	236 (62,11%)
	Nữ	144 (37,89%)
Tuổi	Trung bình	21,43
	Độ lệch chuẩn	1,92
Trình độ học vấn	Năm 1	72 (18,95%)
	Năm 2	77 (20,26%)
	Năm 3	59 (15,53%)
	Năm 4	50 (13,16%)
	Năm 5	63 (16,58%)
	Năm 6	59 (15,53%)

Phân tích yếu tố khẳng định

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích yếu tố khẳng định để đánh giá độ tin cậy và tính giá trị của bộ câu hỏi Viet – BFAS. Để có thể sử dụng phương pháp, các yếu tố của bộ câu hỏi đánh giá sự phù hợp. Kết quả các phép kiểm định Bartlett ($\chi^2 = 886,90$, $p < 0,001$), hệ số Kaiser – Meyer – Olkin (KMO = 0,88) và giá trị

Communalities ($>0,4$) cho thấy bộ câu hỏi thỏa mãn điều kiện sử dụng phương pháp phân tích này. Trọng số của sáu yếu tố trong bộ câu hỏi Viet - BFAS đều lớn hơn 0,50 (từ 0,66 đến 0,84; Hình 2). Các thông số đánh giá mức độ phù hợp của mô hình phương trình cấu trúc là RMSEA bằng 0,07 và CFI bằng 0,98.



Hình 2. Mô hình phương trình cấu trúc và các trọng số yếu tố trong bộ câu hỏi Viet – BFAS

Từ mô hình phương trình cấu trúc và phương pháp phân tích yếu tố khẳng định, các kết quả ghi nhận được bao gồm chỉ số phương sai trích AVE (Average variance extracted) là 0,50, độ tin cậy tổng hợp CR (Composite Reliability) là 0,86.

Độ tin cậy

Độ tin cậy của bộ Viet – BFAS được xác định thông qua tính nhất quán nội tại, độ tin cậy đo – đo lại và tính đồng nhất. Tính nhất quán nội tại được xác định bằng hệ số Cronbach's alpha và độ tin cậy tổng hợp. Hệ số Cronbach's alpha của bộ câu hỏi Viet – BFAS có giá trị là 0,86. Độ tin cậy tổng hợp từ phương pháp phân tích yếu tố khẳng định là 0,86. Độ tin cậy đo – đo lại của 29 đối tượng là 0,56 với khoảng thời gian giữa 2 lần thực hiện nghiên cứu trung bình là 11,28 tuần. Tính đồng nhất trong bộ câu hỏi được đánh giá

bằng hệ số tải của các yếu tố trong bộ câu hỏi, với kết quả các hệ số tải đều lớn hơn 0,50.

Tính giá trị

Để đánh giá tính giá trị của một thang đo, cách tốt nhất là so sánh với tiêu chuẩn vàng của vấn đề cần đánh giá. Tuy nhiên, nghiên cứu Facebook hiện vẫn chưa được xem là một trong những loại hình nghiên cứu theo hiệp hội Tâm lý học Mỹ. Vì vậy, nghiên cứu này lựa chọn đánh giá tính giá trị của nghiên cứu thông qua tính giá trị cấu trúc – bộ công cụ được thiết kế để đo chính xác những điều nhà nghiên cứu muốn đo. Tính giá trị cấu trúc gồm 2 thành phần là tính giá trị hội tụ và tính giá trị phân biệt.

Các kết quả để đánh giá tính giá trị hội tụ và tính giá trị phân biệt qua phân tích yếu tố khẳng định gồm chỉ số phương sai trích và độ tin cậy tổng hợp. Bên cạnh đó, hệ số tương quan liên cấu trúc giữa các yếu tố của bộ câu hỏi Viet – BFAS cũng được tính toán nhằm đánh giá tính giá trị phân biệt. Kết quả của hệ số tương quan liên cấu trúc được ghi nhận trong Bảng 2.

Bảng 2. Hệ số tương quan liên cấu trúc bộ câu hỏi Viet – BFAS

	BFAS 1	BFAS 2	BFAS 3	BFAS 4	BFAS 5	BFAS 6
BFAS 1						
BFAS 2	0,62					
BFAS 3	0,45	0,57				
BFAS 4	0,43	0,58	0,47			
BFAS 5	0,40	0,56	0,48	0,56		
BFAS 6	0,42	0,54	0,42	0,50	0,49	

BÀN LUẬN

Trong nghiên cứu này, hệ số Cronbach's alpha là 0,86, cho thấy bộ câu hỏi Viet – BFAS có tính nhất quán nội tại - tất cả các yếu tố được đánh giá trong bộ BFAS tiếng Việt đều cùng giúp đánh giá tình trạng nghiện Facebook. Ở bộ BFAS gốc, hệ số Cronbach's alpha thấp hơn (0,83)⁽¹⁾. Nguyên nhân có thể do sự khác biệt trong thiết kế nghiên cứu: nghiên cứu gốc đánh giá tính nhất quán nội tại trên 18 câu hỏi ban đầu. Sự tồn tại của các câu hỏi có trọng số yếu tố thấp làm giảm đi tính nhất quán nội tại của toàn bộ câu hỏi. Yếu tố thứ hai để đánh giá độ tin cậy

là độ tin cậy đo – đo lại. Trong nghiên cứu này, độ tin cậy đo – đo lại có giá trị thấp (0,56) so với nghiên cứu gốc (0,82). Kết quả này có thể do khoảng cách giữa 2 lần thực hiện bộ câu hỏi quá lớn. Trong nghiên cứu này, thời gian trung bình giữa 2 lần thực hiện bộ câu hỏi của một cá nhân là 11,28 tuần. Trong khi đó, thời gian của nghiên cứu gốc là 3 tuần giữa đo và đo lại. Khoảng cách giữa thực hiện đo và đo lại có ảnh hưởng đến kết quả của độ tin cậy đo – đo lại, theo tác giả Jimmie Leppink⁽⁵⁾.

Nhằm cải thiện độ tin cậy của bộ câu hỏi Viet – BFAS, nghiên cứu đánh giá thêm tính đồng nhất của bộ câu hỏi. Tính đồng nhất của bộ Viet – BFAS được thể hiện qua sự đơn hướng của các câu hỏi trong bộ, hay nói cách khác, các

Bảng 3. So sánh độ tin cậy của các phiên bản BFAS

	BFAS (2012) ⁽¹⁾	BFAS tiếng Thái (2014) ⁽⁶⁾	BFAS tiếng Arabia Saudi (2016) ⁽⁷⁾	BFAS tiếng Bồ Đào Nha (2016) ⁽⁸⁾	BFAS tiếng Việt (2018)
Tính nhất quán nội tại					
Cronbach's alpha	0,83	0,87	0,88	0,83	0,86
Độ tin cậy tổng hợp	n/a	n/a	n/a	0,82	0,86
Độ tin cậy đo – đo lại					
Thời gian giữa 2 lần đo (tuần)	3	n/a	n/a	n/a	11,28 ± 1,65
Độ tin cậy đo – đo lại	0,83	n/a	n/a	n/a	0,56
p - value	p < 0,05	n/a	n/a	n/a	p < 0,05
Tính đồng nhất					
Trọng số yếu tố	> 0,50	> 0,50	> 0,50	> 0,50	> 0,50

Tính giá trị hội tụ, là một phần của tính giá trị cấu trúc, dùng để đánh giá khả năng tương quan giữa các yếu tố trong cùng một bộ câu hỏi. Tính giá trị hội tụ thường được đánh giá bằng trọng số nhân tố khi phân tích yếu tố khẳng định bằng mô hình phương trình cấu trúc. Theo Hair và cộng sự, các trọng số nhân tố chỉ cần trên 0,50 thì có thể chấp nhận được là có sự tương quan với biến tiềm ẩn⁽⁹⁾. Trong nghiên cứu này, các trọng số yếu tố đều lớn hơn 0,60 như vậy có thể ghi nhận tính giá trị hội tụ ở bộ câu hỏi Viet – BFAS. Bên cạnh đó, để khẳng định tính giá trị hội tụ, nghiên cứu sử dụng tiêu chuẩn của Garson trong đánh giá tính giá trị hội tụ. Theo Garson, bộ câu hỏi có tính giá trị hội tụ khi có phương sai trích không nhỏ hơn 0,50 và độ tin cậy tổng hợp lớn hơn phương sai trích⁽¹⁰⁾. Nghiên cứu này có chỉ số phương sai trích là 0,50

câu hỏi cùng đo lường cho một giá trị tiềm ẩn. Tính đơn hướng có được khi trọng số của mỗi yếu tố trong bộ câu hỏi lớn hơn 0,50. So sánh với kết quả của phân tích yếu tố khẳng định bộ Viet – BFAS cho thấy bộ câu hỏi có tính đồng nhất. Như vậy, tuy độ tin cậy đo – đo lại không đạt giá trị mong muốn, nhưng bộ câu hỏi Viet – BFAS có tính nhất quán nội tại và tính đồng nhất, nên có thể kết luận là bộ câu hỏi Viet – BFAS có độ tin cậy tốt. So sánh với độ tin cậy với các bộ câu hỏi BFAS phiên bản gốc, phiên bản tiếng Thái, tiếng Arabia Saudi và tiếng Bồ Đào Nha cho thấy bộ câu hỏi Viet – BFAS có độ tin cậy tốt tương đương với các ngôn ngữ khác^(1,6,7,8) (Bảng 3).

và độ tin cậy tổng hợp là 0,86. Như vậy, có thể khẳng định một lần nữa, bộ câu hỏi Viet – BFAS có tính giá trị hội tụ.

Trái ngược với tính giá trị hội tụ, tính giá trị phân biệt thể hiện sự khác biệt giữa các yếu tố trong cùng một bộ công cụ đo lường. Tuy khác biệt nhưng tính giá trị hội tụ và tính giá trị phân biệt có tính chất bổ trợ cho nhau. Theo Fornell và Larcker, bộ công cụ có giá trị phân biệt khi căn bậc hai của chỉ số phương sai trích lớn hơn hệ số tương quan lớn nhất giữa các yếu tố ($\sqrt{AVE} > \max|r_{ij}|$)⁽¹¹⁾. Trong nghiên cứu bộ câu hỏi BFAS, giá trị lớn nhất của hệ số tương quan giữa các yếu tố là 0,62; trong khi đó $\sqrt{AVE} = 0,71$. Như vậy, bộ câu hỏi BFAS tiếng Việt thật sự có tính giá trị phân biệt.

Bộ câu hỏi Viet – BFAS có tính giá trị hội tụ

và tính giá trị phân biệt, nên có thể kết luận bộ Viet – BFAS có tính giá trị cấu trúc. So sánh với tính giá trị với các bộ câu hỏi BFAS phiên bản gốc, phiên bản tiếng Thái, tiếng Arabia Saudi và tiếng Bồ Đào Nha cho thấy bộ câu hỏi Viet –

BFAS dù có sự khác biệt trong thiết kế nghiên cứu và phương pháp phân tích, nhưng không có sự khác biệt về kết luận tính giá trị của bộ câu hỏi^(1,6,7,8) (Bảng 4).

Bảng 4. So sánh tính giá trị của các phiên bản BFAS

	BFAS (2012) ⁽¹⁾	BFAS tiếng Thái (2014) ⁽⁶⁾	BFAS tiếng Arabia Saudi (2016) ⁽⁷⁾	BFAS tiếng Bồ Đào Nha (2016) ⁽⁸⁾	BFAS tiếng Việt (2018)
Tính giá trị hội tụ					
Trọng số nhân tố					
BFAS 1	0,61	0,83	0,58	0,54	0,66
BFAS 2	0,80	0,86	0,64	0,67	0,84
BFAS 3	0,59	0,78	0,43	0,72	0,67
BFAS 4	0,67	0,79	0,64	0,54	0,71
BFAS 5	0,69	0,86	0,66	0,69	0,70
BFAS 6	0,69	0,88	0,59	0,77	0,66
Các phương pháp khác					
Hệ số tương quan	0,69	n/a	n/a	n/a	n/a
AVE	n/a	n/a	n/a	n/a	0,50
CR	n/a	n/a	n/a	n/a	0,86
Tính giá trị phân biệt					
Trọng số yếu tố					
Trọng số từng yếu tố	0,59 – 0,80	n/a	n/a	n/a	0,66 – 0,84
Các phương pháp khác					
Hệ số tương quan	0,37	n/a	n/a	n/a	n/a
$\sqrt{AVE} > \max r_{ij} $	n/a	n/a	n/a	n/a	0,71 > 0,62

KẾT LUẬN

Bộ Viet – BFAS là bộ câu hỏi đánh giá đầu tiên bằng tiếng Việt dùng để đánh giá tình trạng nghiện Facebook trên đối tượng sinh viên Y khoa, thuộc Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả nghiên cứu cho thấy bộ câu hỏi BFAS sau khi chuyển ngữ sang tiếng Việt có độ tin cậy và tính giá trị tốt có thể sử dụng tốt cho các nghiên cứu tiếp theo. Ngoài ra, cỡ mẫu của nghiên cứu cũng tương đối lớn, sử dụng phương pháp lấy mẫu ngẫu nhiên nên kết quả có thể đại diện cho toàn bộ sinh viên khoa Y, Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh và có thể khái quát hóa cho các đối tượng có chung đặc điểm về môi trường học tập trong cùng khu vực có chung đặc điểm với trường Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh. Phương thức tiến hành nghiên cứu đảm bảo tính bảo mật, tính khách quan và trung thực. Tuy nhiên, nghiên cứu còn giới hạn trên các đối tượng là sinh viên khoa Y,

Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh cũng như việc đánh giá độ tin cậy đo – đo lại của bộ Viet – BFAS với thời gian giữa đo và đo lại chưa phù hợp.

Lời cảm ơn: Xin chân thành cảm ơn PGS.TS. Nguyễn Thị Lệ, ThS. Vũ Trần Thiên Quân, ThS. Bùi Diễm Khuê, ThS. Lê Quốc Tuấn và các bạn Đường Ngọc Lan, Trần Hoàng Nhật Linh, Nguyễn Gia Hy, Nguyễn Thùy Linh và Nguyễn Thị Thu Thảo đã góp ý và giúp đỡ trong suốt quá trình thực hiện và hoàn thành nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Andreassen CS, et al (2012). Development of a Facebook Addiction Scale. *Psychol Rep*, 110(2):501-17.
2. Griffiths MD, Kuss DJ (2014). Social Networking Addiction: An Overview of Preliminary Findings. In: Rosenberg KP LCF, Elsevier Inc.
3. Al-Humairi AK, Aljoborae SF, Hussein AM, Farhood HF, et al (2016). Prevalence of Facebook Addiction among Students of Medical College - Babylon University. *Iraq Academic Scientific Journals*, 29(1):38 - 43.

4. Hanprathet N, et al (2015). Facebook Addiction and Its Relationship with Mental Health among Thai High School Students. *J Med Assoc Thai*, 98(3):S81-90.
5. Leppink, Perez-Fuster (2017). We need more replication research - A case for test-retest reliability. *Perspect Med Educ*, 6(3):158-64.
6. Phanasathit M, Manwong M, Hanprathet N, Khumsri J, et al (2015). Validation of the Thai version of Bergen Facebook addiction scale (Thai-BFAS). *J Med Assoc Thai*, 98(2):S108-17.
7. Salem AAMS, Almenaye NS, Andreassen CS (2016). A Psychometric Evaluation of Bergen Facebook Addiction Scale (BFAS) of University Students. *International Journal of Psychology and Behavioral Sciences*, 6(5):199-205.
8. Pontes HM, Andreassen CS, Griffiths MD (2016). Portuguese Validation of the Bergen Facebook Addiction Scale: an Empirical Study. *International Journal of Mental Health and Addiction*, 14(6):1062-73.
9. Hair JF, Black W, Babin BJ, Anderson RE (2010). Multivariate data analysis. A global perspective. In: Pearson, 7th ed.
10. Garson GD (2016). Validity and Reliability (Statistical Associates Blue Book Series) In: Statistical Associates Publishers.
11. Fornell C, Larker DF (1981). Evaluating Structural Equation Models With Unobservable Variable and Measurement Error. *Journal of Marketing Research*, 18(1):375-81.

Ngày nhận bài báo: 25/11/2019

Ngày phản biện nhận xét bài báo: 09/12/2019

Ngày bài báo được đăng: 10/03/2020